

THÔNG ĐIỆP MÔI TRƯỜNG TRONG TIỂU THUYẾT NHẮM MẮT NHÌN TRỜI CỦA NGUYỄN XUÂN THỦY

Nguyễn Thùy Trang

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Email: thuytrang23988@gmail.com

Ngày nhận bài: 11/10/2017; ngày hoàn thành phần biên: 13/10/2017; ngày duyệt đăng: 8/01/2018

TÓM TẮT

Tiểu thuyết *Nhắm mắt nhìn trời* của Nguyễn Xuân Thủy là một tác phẩm ẩn chứa nhiều thông điệp sâu sắc về môi trường. Với thế giới nhân vật đa dạng, mang tính điển hình, nhà văn đã phản ánh những bất cập của đời sống con người cũng như hệ sinh thái trong quá trình đô thị hóa. Qua những phản ứng tâm lí ngột ngạt, bức bí, lạc lõng của tầng lớp thị dân, nhà văn đã gióng hồi chuông thức tỉnh về sự khẩn thiết phải bảo vệ thiên nhiên, cứu lấy Trái đất đang lâm nguy trong mỗi tâm hồn.

Từ khóa: Môi trường, Nhắm mắt nhìn trời, Nguyễn Xuân Thủy, Phê bình sinh thái

1. MỞ ĐẦU

Cách đây gần nửa thế kỉ, nhà nghiên cứu W.Meeker đã nhấn mạnh vai trò của văn học đối với sự tồn tại và phát triển của nhân loại. Giữa tâm bão thảm trạng thiên tai, ông đã đề xuất: “Nếu sự sáng tạo văn học là một đặc điểm quan trọng của loài người, nó cần được kiểm tra một cách cẩn thận và trung thực để khám phá ảnh hưởng của nó đối với hành vi của con người và môi trường tự nhiên – để xác định vai trò gì, nếu có, nó đóng vai trò trong sự bảo vệ và sự tồn tại của nhân loại, và những gì nó cho thấy một cái nhìn sâu sắc vào các mối quan hệ của con người với các loài khác và với thế giới xung quanh chúng ta” [1, tr.3-4]. Quan niệm đó đã trở thành cơ sở lí luận và đòn bẩy để nhiều học giả sau này hướng về tự nhiên, lấy chính thể sinh thái làm trung tâm cho sáng tác và nghiên cứu văn học. Phê bình sinh thái cũng khởi sinh từ những nền tảng bước đầu ấy.

Dù không quá bạo liệt và đầy xác quyết như những tiểu thuyết môi trường kinh điển trên thế giới, nhưng nếu liệt kê những sáng tác sinh thái ở Việt Nam, chắc chắn phải nhắc đến *Nhắm mắt nhìn trời* của Nguyễn Xuân Thủy. Những bất cập trong quá trình đô thị hóa nông thôn, sự tàn sát nhiều giống loài quý hiếm, hành trình tha hóa và xâu xé đất đai... là nỗi niềm thiết tha và đau đáu của tác giả gửi gắm trong tác

phẩm. Điều này thể hiện rõ ý thức và trách nhiệm của một nhà văn trẻ trước vấn nạn môi trường đang diễn ra mỗi lúc một cấp bách trên đất nước Việt Nam cũng như toàn thế giới.

2. NỘI DUNG

2.1. Những bất cập về sinh thái trong quá trình đô thị hóa

Tác phẩm mở đầu bằng giấc mơ “rân rân ngòn ngọt” của Nguyễn – nhân vật chính của câu chuyện, thung lũng bao la, bầu trời xanh trong, sóc non chuyền cành, tiếng suối rì rả rót vào lòng thung điệu nhạc xưa cũ, hương thơm của mùa thu sóng sánh vị mật ong thanh nồng... Ngõ đây là một thiên tiểu thuyết lãng mạn! Nhưng khi chòang tỉnh, Nguyễn trở về với “căn phòng quen thuộc mười lăm mét vuông chật chội, trần nhựa mái tôn” và đối mặt cùng cuộc sống mưu sinh “com áo gạo tiền”. Từ đây là hành trình của Nguyễn cùng những con người thị dân với khát vọng một “tấc đất cắm dùi” ở thủ đô.

Hiện thực đời sống được chất lọc qua cái nhìn của hai người bạn Thành và Nguyễn. Khác hẳn đồng nghiệp Nguyễn hiền lành, thụ động, chỉ biết ôm mộng văn chương, Thành tỏ ra là một người nhanh nhẹn, toan tính. Thành rủ Nguyễn mua một miếng đất ruộng xây nhà ở tạm, chờ dự án, chính sách mới sẽ chuyển đổi sang đất thổ cư. “Bùn để lâu hóa đất cứng. Đất nhiều để lâu khắc thành đất thổ cư” [3, tr.114]. Trong khi Nguyễn còn ú ớ chưa biết nên thế nào về việc làm lách luật này, thì Thành đã “thu xếp công việc” xong xuôi. Nguyễn chỉ còn biết “răm rắp như bị thôi miên” và thuận theo.

Lấy bối cảnh một ngôi làng ven đô để phôi diễn câu chuyện về quá trình đô thị hóa nông thôn, đây có lẽ là mảnh đất cho nhà văn nhiều năng lượng sáng tạo, dung dưỡng, đồng hành cùng các nhân vật. Vùng đất hiền hòa đến vậy, nay với chín cây cầu của dự án “Thành phố hai bờ sông” đang triển khai đã phá hủy cảnh quan nơi đây. Giữa những nét thô vụng của làng quê “ngay sát vách trung tâm thành phố” này là những khu đất hai bên đã lác đác phân mảnh xây tường ngăn cách. “Tiếng côn trùng kêu đầy hừng khởi như muốn chạy đua trong cuộc gặm nhấm vùng đất ven đô cùng với tiếng xe siêu trường siêu trọng tăng tốc ồ ồ từ phía cây cầu mới khánh thành như những con quái vật tấn công vào thành phố” [3, tr.76]. Từng lớp người ở thành phố bắt đầu di dân, nhắm vào những vùng dự án để xâu xé, xây dựng. Cho nên, làng trở thành nơi hội tụ, “biểu dương các thương hiệu xây dựng”. Vì lợi nhuận, người ta cố tạo ra những khu nhà chọc trời, “tầng chồng lên tầng”, “những công trình như thế, mất an toàn là điều không tránh khỏi”. Do vậy, đã có rất nhiều những công nhân chết “bất đắc kì tử” tại đây. “Sau này, sẽ có hàng trăm, hàng ngàn người đi lên đi xuống từ huyết mộ

ấy giữa những thom tho và trong những tiếng kinh coong của thang máy” [3, tr.172]. Không ai biết được, tòa nhà dựng lên từ mồ hôi và xương máu của bao con người.

Nhưng viễn tưởng về khu đô thị tương lai ngày càng xa vời, chỉ còn những “khu chung cư dang dở rêu ốc và hoang vắng. Những khối bê tông xám xịt nhả nhỏ trên những đồng cỏ. Những cánh đồng cao ốc và biệt thự hoang lạnh, kết quả của giai đoạn đại công trường nhà ở” [3, tr.215]. Bởi vì, “có những ngôi làng từ từ lên phố, có những ngôi làng bề ngoài có vẻ lên phố, nhưng trong thì vẫn thế. Xa hơn, có những ngôi làng mãi mãi không bao giờ lên phố”. Điều này làm nên một kiểu “dở làng dở phố, dở Tây dở ta”. Các khu biệt thự mọc bên bìa làng – nhìn qua rất hiện đại – nhưng tiện ích sinh hoạt xung quanh đó lại đầy tắc trách. Từ những vụ cắt điện luân phiên, “cắt đến tịch cả học hành, trời nóng như thiêu như đốt, nhà cửa thì toàn mái bằng san sát”, cho đến những đợt mất nước, “nước mất cũng chả bơm lên được mà giội tay. Ngày xưa còn có ao, bây giờ ao đâu mà múc” [3, tr.233], tất cả tạo nên màn bi kịch “truyền thống đánh nhau với hiện đại. Làng đấu nhau với khu đô thị. Nháo nhào thiên địa”. Mía mai và chua chát, nhà văn nhìn thấy những bất cập khi “làng đang bị vỡ ra theo kiểu đánh đặc công”.

Phố hóa về mọi mặt cũng nảy sinh ra nhiều câu chuyện “cười ra nước mắt”, nhiều số phận “lên voi xuống chó”, đối lập, kịch cỡm. Văn hóa làng đang bị cái bóng đô thị che phủ, lấp liếm từng mái nhà, thôn xóm. Trong đó sự thao túng của đồng tiền và chủ nghĩa thực dụng đã lên ngôi. Bắt đầu chỉ là những mớ rau trong vườn, lòng tham khiến người nông dân đã không còn canh tác theo phương thức truyền thống mà “bón hôm trước hôm sau thu hoạch”. Để đảm bảo cho người thân trong gia đình, nhiều nhà phân định rạch ròi “rau nhà ăn và rau bán”, “chỗ nào phun thuốc chỗ nào phân tưới đều đánh dấu ghi biển rõ tránh con cái hái nhầm”. Số phận những con cá nhệch – một đặc sản của vùng quê Liên Minh – cũng trở nên khan hiếm. Nắm bắt tâm lí “thường thức hương đồng gió nội”, nhiều người cố tình độc quyền loài cá này để tăng giá thành, thu hút khách. Cá nhệch giờ là “thứ chỉ có thể tìm thấy tại “Bia tươi – Cá bơi” của Cá mặt quý. Sau này, đám chài lưới ham tiền vì bán được giá cao nên tìm mọi cách đánh bắt bằng sạch cá nhệch, đến nỗi suốt cả đoạn sông chục cây số thoảng mới tóm được vài ba mống. Rồi mấy đận dòng sông ố, nước tự nhiên đổi màu từ hồng sang lơ lơ bệnh hoạn, cá mú hết đường lưu trú, những loài chịu nhiệt kém chết nổi lênh phênh, cá nhệch cũng mất tăm mất tích” [3, tr.17]. Thậm chí, vì muốn dưỡng sinh loài cá có giá trị kinh tế cao này, Trí không từ thủ đoạn móc nối với hộ lý bệnh viện, ngày ngày cung cấp những phích “nhau thai”, có khi là vú phụ nữ bị ung thư để làm thức ăn cho cá nhệch. Cá ăn xác người. Người ăn thịt cá. Chưa bao giờ thân phận con người bị hạ thấp vì những trò “ghê tởm, thất đức” đến vậy. Cũng như trong truyện ngắn *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp, cô con dâu Thủy đã âm thầm lấy những nhau thai từ khoa sản về nuôi chó bec-giê. Điểm chung của Trí và Thủy là đều

bị lóa mắt vì danh lợi, vật chất phù du. Họ làm nên một nhóm người thực dụng, tàn nhẫn và vô lương trong xã hội đương đại.

Những bất ổn của đời sống đang dần hiện ra. Đó còn là sự chao đảo của nhiều hộ dân khi nhận được số tiền lớn cho việc đền bù đất nông nghiệp, tưởng là niềm vui nhưng là khởi đầu của bi kịch. Nạn đề đốc, số má, cờ bạc như ma lực hấp dẫn những con thiêu thân sẵn tiền đền bù đâm đầu vào. Từ nông dân thuần phác trở thành đại gia, bỗng chốc lại là ăn mày, mất nhà cửa, tay trắng tay. Những trò thả mồi – bắt mồi lô đề, cầm cố của chị Thiện với Chiến chỉ là một phần nhỏ bức tranh bát nháo mà nhà văn phác thảo.

Chơi với giữa dòng chảy ào ạt của quá trình phát triển kinh tế thị trường, cảnh quan nông thôn đang ngày càng biến đổi tệ hại hơn. “Cánh đồng làng anh xưa thẳng cánh cò bay, nay bóng cò đã lùi vào dĩ vãng, thay vào đó là trắng vật vờ những xác bao ni lông như những linh hồn cò trắng. Con đường giữa cánh đồng bên dòng kênh xanh mát rợp bóng xoan năm nào bây giờ xơ xác” [3, tr.299]. “Tùng bãi rác lộ thiên chất đống hai bên đường bốc mùi xú ối”, rặng xoan dài mấy cây số - biểu tượng của thôn Đào cũng bị “đốn hạ lấy gỗ làm trường học, còn đầu chỏ lên nhập cho xưởng cưa của huyện”. Người ta còn “cắm vòi rút ruột sông hút cát lên bán cho dân buôn vật liệu”. “Con sông Miên oằn oại nằm thoi thóp thờ. Bờ sông xưa nơi trú ẩn của những chú đế cẳng tròn nay quanh quẽ. Tùng đám lục bình đờ đẫn không buồn trôi” [4, tr.303]. Những câu từ bung ra bằng thanh âm trầm mặc, chua xót. Vấn nạn môi trường được nhà văn đề cập nóng bỏng, sinh động. Nhà văn mong muốn độc giả “hãy cùng mở mắt để nhìn lại cuộc đời này, nhìn vào những cái xấu, cái ác đang hiện hữu khắp nơi này” [2]. Chỉ có đổi diện và nhìn sâu vào thực tại, chúng ta mới hiểu được căn nguyên của sự biến mất của tự nhiên (sông nước, đất đai, sinh loài, cỏ cây...), không phải là sự kiến tạo, vận động, phát triển thường tình của vũ trụ, tạo hóa, mà tất cả đều do chính bàn tay con người gây nên. Và mọi thứ sẽ là báo động nếu chúng ta không thức tỉnh, nhận thức và thay đổi.

2.2. Phản ứng tâm lí của con người trước khủng hoảng môi trường

Trong một bài phỏng vấn báo *Đại Đoàn Kết*, nhà văn Nguyễn Xuân Thủy trải lòng về tác phẩm *Nhắm mắt nhìn trời*: “Ở cuối tiểu thuyết, nhân vật Nguyễn đã khép lại đôi mắt nhìn lên trời cao trong những bế tắc tuyệt vọng trước những thực tại đau buồn, trước những bi kịch của bản thân. Còn tôi, tôi nhắm mắt để tự vấn xem mình phải làm gì, mỗi người phải làm gì để cuộc sống này tốt đẹp hơn, nhân văn nhân ái hơn. Tôi nhắm mắt để mơ về một không gian sống lý tưởng cho tôi và cho bạn, như nhân vật Nguyễn trong tác phẩm từng mơ một giấc mơ rất đẹp, rất thư thái yên bình. Đôi mắt công dân của tôi nhắm lại cũng là lúc đôi mắt nhà văn mở ra cho một hành trình sáng tạo, hướng đến những khát vọng thiên lương” [2]. Nền tinh thần của tác phẩm là viết về những điều thấp hèn, xấu xa để vươn tới cái đẹp và thánh thiện.

Xuyên suốt tiểu thuyết là quá trình tự vấn, day dứt của nhân vật Nguyễn. Sống giữa những đố võ, lạc lối của nhiều số phận trong vòng xoáy đồng tiền cũng như thực trạng môi sinh đang diễn ra cấp bách, Nguyễn mang bi kịch của một nhà văn có lương tâm, không thể làm ngơ trước mọi vấn nạn xã hội. Dù gái làng chơi và đám bạn của anh chấp nhận thực tế và vô tư nghĩ rằng: “Đời giống như bị cưỡng hiếp, nếu không chống cự được thì hãy học cách mà tận hưởng sự sung sướng, ông anh ạ”, Nguyễn vẫn không thể để tâm hồn ngուoi ngoai, không bằng lòng hưởng thụ những “huong hoa” của lối sống hiện đại mang lại. Trên mâm tiệc chiêu đãi khách đặc sản cá nhệch, nhân vật Nguyễn không chịu nổi cảnh tượng ăn thịt đồng loại gián tiếp từ những con cá nhệch háu ăn, anh đã lâm vào trạng thái buồn nôn. Lúc nhìn thấy những khối u ung thư “tím tái”, “thâm sì” nằm lộn cộn trong phích đang được dùng làm thức ăn cho cá – những con cá bày trên bữa tiệc anh vừa nhậu, anh “thốc tháo, dốc sạch những gì có trong dạ dày”. Rồi thêm lần nữa, anh lại nôn khi bất ngờ chứng kiến cảnh người bạn nuôi cá nhệch bằng xác người lại được phồng vẩn trên truyền hình, trở nên nổi tiếng và nhận được nhiều khen ngợi về sự làm giàu “chân chính” này. “Buồn nôn” của Nguyễn chính là sự phản kháng, chống lại sự tha hóa đến mức phi lí của xã hội. Anh liên tục trần trố, sám hối trước những tội lỗi loài người gây ra. Anh nhận thức rõ ràng, con người vốn không phải là một “hiện thực ngẫu nhiên”, tồn tại độc lập mà một “hiện thực có tính tự nhiên”, luôn gắn kết mật thiết với các sinh loài trên Trái đất. Nhưng những người bạn xung quanh anh, mấy ai hiểu được điều đơn giản này?!

Trước một thế giới đa trị, hỗn độn, hệ sinh thái bị tổn thất, mất mát lớn lao, Nguyễn “cảm thấy bất an, mất đi một sự chò che”. Qua nhân vật Nguyễn, tác giả xây dựng hình ảnh con người hiện đại đang đương đầu với nguy cơ sinh thái ở tâm thế bất lực, hoang mang. “Con người nhỏ bé cứ bị chìm xuống mãi dưới đáy những huyết mộ, như những con bọ gậy loe ngoe thống khổ và bất lực boi trong thứ nước lờ nhò cống rãnh. Nghệt thở. Dưới ma trận cao ốc, con người nhỏ bé len lỏi quấy đạp, bài hoải kiếm tìm” [3, tr.215]. Anh ý thức được những gì con người đã làm và những hậu quả mà chúng sinh phải đối mặt. Những giấc mơ báo hiệu sự nổi dậy của tự nhiên luôn ám ảnh Nguyễn, thôi thúc anh phải viết, phải làm một điều gì để có thể ngăn chặn những hành động bạc nhược của những người xung quanh đến tự nhiên. Ngay cả “hành trình đi tìm đất cắm dùi đã dẫn Nguyễn và Thành đến một ngã ba của sự chia cắt”, Nguyễn vẫn sẵn sàng gạt bỏ tình bạn chỉ để bày tỏ thái độ phản kháng trước những gì Thành, Trí, Tâm,... đã làm với những con cá trên sông quê, với mảnh đất chôn nhau cắt rốn.

Xoáy sâu vào dòng tâm tưởng của Nguyễn, nhà văn đã chỉ ra phản ứng đặc trưng của một bộ phận thị dân trước những biến đổi môi trường sống. Giam cầm giữa những bức tường bê tông ngọt ngào, len lỏi qua những khối bụi phố phường và lớp người đông đúc, cảm thức của họ là sự “chối bỏ đô thị” để được “quay về”. Nguyễn “thèm biết bao một chuyến đi xa, xa hẳn, giấu mình đi đâu đó trong một góc ngách, không nhìn thấy con người, không nghe thấy tiếng đời sống, không có tiếng còi xe,

không nhìn thấy những gương mặt đeo khẩu trang, trùm áo chống nắng” [3, tr.269]. Những tổn thương về tinh thần đã lên đến đỉnh điểm, khi Nguyễn thường xuyên bị hình ảnh thảo nguyên ám ảnh. Lạc lõng trong chính ngôi nhà của mình, anh cảm thấy bản ngã đã thuộc về thảo nguyên xa xôi. Có lẽ, nỗi thèm muốn được “giấu mình vào một thung lũng mù sương”, thèm ngửi mùi hăng hắc của cây lá và ri rả của côn trùng, nghe “tiếng những hạt cây tách vỏ, tiếng những mầm chồi bật nhú”, khiến ngôi nhà trên thảo nguyên cứ trở đi trở lại trong trí tưởng tượng của Nguyễn. Bởi nó đã thực sự là một khu vườn trong tâm tưởng để “mỗi lần mỗi một Nguyễn lại mở cánh cửa gỗ hoen gỉ ghé thăm và lưu lại, ẩn náu trong ấy cho đến khi những vết thủng trong tâm hồn tự chúng chẳng níu, vá vúi, mọi xung đột rồi cũng tìm được một thỏa hiệp trên bề mặt. Anh lại tiếp tục với ngày tháng rệu rã. Tiếp tục sống trong sự bình ổn giả tạo” [3, tr.270]. Vượt ra khỏi hạn định là những trái lòng của thị dân, tác phẩm như một sự lữ thú với tự nhiên, với những hoài niệm về không gian sinh thái tươi đẹp đã từng gắn bó, bao bọc và chở che cho con người. Thiếu thiên nhiên, nhân loại chỉ còn lại những tâm hồn xơ cứng, trống rỗng.

Điểm thú vị trong tiểu thuyết này còn là sự xuất hiện của nhân vật Nhọn được nhà văn Nguyễn Xuân Thủy xây dựng từ hai cực đối lập. Xuất thân là một người kiếm sống bằng nghề bán phân và trấn lột tiền của “người lạ” bằng những “luật làng”, đầu tác phẩm, Nhọn hiện lên như một thứ “hôi hám”, cận bã của xã hội. Chỉ khi có chút vốn liếng kha khá, nhà cửa đàng hoàng, tuổi cũng toan về già, Nhọn mới bắt đầu có sự “thức tỉnh” ngoạn mục. Trước tiên, Nhọn tìm hiểu về nghệ thuật, tranh ảnh – những thứ phù phiếm với một anh nông dân lấm lem bùn đất xưa kia. Nhờ sự giúp đỡ của Nguyễn, Nhọn tìm được một bức tranh đặc địa treo giữa nhà, làm tâm điểm của mọi sự chú ý và cũng muốn nhắc nhở những ai ghé chơi. Bức tranh có tên “Tam nhãn”, mô tả cuộc chiến man rợ giữa con người với con người khiến thiên nhiên nổi giận. “Tam nhãn cũng là tam tai – những tai nạn khủng khiếp đang treo lơ lửng trên đầu loài người”, nếu như con người “không biết cách cư xử với nhau và cư xử với thiên nhiên”. Sau thì, Nhọn còn lập bàn thờ Phật ngay trong nhà. Hấn nhận ra “thất đức thế đủ rồi, đạo đức cũng như mùa màng, mùa này thất bát thì mùa sau đầu tư gõ gạc”... Khi đã có sự nhận thức sâu sắc, Nhọn bước sang lối sống thanh tao, Nhọn trồng rau, trồng hoa trong vườn, nuôi dưỡng tâm hồn mình bằng những việc làm tích cực, hòa hợp với thiên nhiên. Ngẫm ra, “Nhọn còn nhân văn hơn khối kẻ. Thằng địa chính và quan chức đất xã...” [3, tr.126]. Vì, “Nhọn tuy chuyên môn là làm cút thật nhưng là làm cút lương thiện. Xét về mặt môi trường thì việc gom cút tươi của Nhọn đã làm lợi cho môi sinh” [3, tr.125]. Nhọn hiểu được, “muộn còn hơn không”, nên hấn từ bỏ trò ăn vạ, ra ngô bắt nạt người khác. Giờ hấn chỉ quanh quẩn trong vườn, vui thú điền viên, tu tâm dưỡng tính như một sự “gõ gạc” cho những ngày đã lỡ “tuyệt tình” với người, với tự nhiên.

Không hề né tránh thực tại, nhà văn đã “mở mắt” cho độc giả nhìn đời một cách chân thực. Sự giao ngộ của những nhân vật trí thức được tác giả đặt ngang hàng với tầng lớp dưới đáy xã hội càng cho thấy họ chẳng hơn kém gì nhau trong cuộc chạy đua để trở thành thị dân mới. Giữa Nhọn – Thành và Nguyễn, ai có thể định giá được phẩm chất thanh cao của con người? Nhà văn, nhà báo hay cô gái làng chơi, nông dân, chủ lô đề đều nằm trên đấu trường của lương tâm, đạo đức và nhân văn. Cốt lõi là ai sẽ là người nhận thức, thấu tận hiểm họa từ cái ác, cái xấu để hướng đến/quay về con đường lương thiện.

2.3. Thông điệp môi trường qua nghệ thuật trần thuật

Hoài thai trong suốt ba năm mới trình làng độc giả, *Nhắm mắt nhìn trời* đã thể hiện được sự thuần thực, chuyên tâm của nhà văn Nguyễn Xuân Thủy dành cho nghiệp bút. Bằng một văn phong thô ráp, có phần nghiệt ngã, những gì nhà văn trần thuật rất thực với đời. Tác giả kể lại hiện thực đời sống với một giọng điệu trung tính (không vui không buồn) mà đầy châm biếm, khiến cho còn người đọc ngỡ ngàng trước bức tranh mà nhà văn vẽ nên.

Ngôn ngữ rất mực tự nhiên, nhà văn không hề nói quá, thêm bớt điều gì. Đây ắp những sự kiện mang tính thời sự cao, từ những chi tiết nhỏ như chuyện rau sạch – rau bẩn; chuyện làm sách lậu, quy trình Nậu sách biến một cuốn sách thành best-seller ra sao; rồi những nhà văn lăm lăm lối như Minh Long, nhà thơ Hát đọc thơ khi đi chơi gái, cách mẹ con Tâm lợi dụng mác gia đình liệt sĩ,... được kể lại đầy châm biếm. Đó đều là những điều độc giả dễ dàng bắt gặp qua những trải nghiệm của bản thân, trên các mặt báo, bản tin truyền hình hằng ngày... Nhưng cái tài của tác giả chính là đưa vào chất liệu hiện thực ấy rồi lắp ghép, diễn giải theo một chủ điểm, logic; đặt vào hành động, lời nói của một nhân vật để dựng lên những chân dung điển hình. Vì thế, qua dung lượng hơn ba trăm trang sách, nhà văn đã cố gắng thu vào lòng tác phẩm một xã hội thu nhỏ, nhộn nhịp, phức tạp. Việc đặt tên cho nhân vật cũng giúp nhà văn chuyển tải những ẩn ý tinh tế, mỉa mai: Nhọn *cút*, Trí *đen bù*, Tâm *cá mặt quỷ*, Nậu *sếch*, Thiện *lác*, Hiền *cave*, Quang *hộ pháp*, Trần *lạc quan*,...

Vận dụng linh hoạt phương thức kể chuyện ngôi thứ nhất (qua nhân vật Nguyễn) và ngôi thứ ba (người kể chuyện tác giả), người đọc có điều kiện thâm nhập thế giới thực tại giữa làng và phố tường tận, tỉ mỉ, đa chiều. Đặc biệt sự xuất hiện những giấc mơ của Nguyễn với tần suất cao giúp nhà văn ngấm ngầm đưa ra những điềm báo. Giấc mơ là một hiện tượng tâm sinh lí bí ẩn của con người, “không có giấc mơ nào là vô nghĩa. Tất cả những giấc mơ đều thể hiện sâu xa vô thức. Việc xây dựng giấc mơ có xu hướng tạo nên một bề ngoài vô hại để biểu lộ những ước muốn một cách dễ dàng” [4, tr.46]. Kết nối câu chuyện bằng những yếu tố mộng mị, *Nhắm mắt nhìn trời* đã gửi đến những thước phim về tương lai nhân loại được nhạt nhòa, cắt dán từ hiện thực. Với giấc mơ hiển hiện cảnh tượng tòa nhà cao nhất thủ đô hoàn thiện gấp sự cố,

“xám ngoét một màu chết chóc, run rẩy cô độc giữa trời”, khối thép và đám kim loại tan chảy, biến thành màu máu; và kết thúc là “những người nông dân đeo khăn trắng đầy tức giận và hung tợn” đến tòa soạn “Đất ấm” – nơi Nguyễn và Thành làm việc để biểu tình; điều này thể hiện sự sám hối của Nguyễn khi chính bản thân anh cùng đồng nghiệp đã không hoàn thành trách nhiệm của một nhà báo. Đáng lẽ trước cảnh người nông dân đang mất dần đất nông nghiệp; sự tham ô, hối lộ và toan tính cá nhân của một bộ phận cán bộ để mưu lợi trên từng dự án, báo chí cần vào cuộc, phơi trải sự thật và mạnh mẽ lên án, ngăn chặn. Nhưng tất cả chỉ lặng yên, thụ động, lấp liếm, phớt lờ. Sự vùng lên của người nông dân là một điều sẽ xảy đến, khi một ngày họ nhận ra tiền bạc không thể mang lại hạnh phúc cho con người, trong khi đó, cánh cò, sông nước, cá tôm, cỏ cây,... những hồn quê đã voi nhặt dần. Và rồi, con người cũng sẽ chết dần chết mòn, cô độc, hoang liêu giữa những tòa cao ốc chọc trời. Giấc mơ đến mỗi ngày như một nỗi dày vò khôn nguôi khiến nhân vật bị cuốn vào chiều không gian huyền hoặc. Không có thực, nhưng biết đâu, một ngày sẽ là thực.

Giấc mơ nữa cũng đầy ám gợi được bắt nguồn từ sau khi Nguyễn nghe tin tức truyền hình đưa về vụ sóng thần ở đất nước mặt trời mọc. “Những con sóng thần cao hàng chục mét như chiếc lưỡi quái vật liếm nhẹ nhàng lướt qua một vùng rộng lớn”, “hàng đồng công ten nơ đủ màu sắc bị sóng thần đùa nghịch vờn ngược vờn xuôi rồi dồn lại chông đồng chất đầy một thung lũng như những thỏi gỗ trong trò chơi xếp hình của trẻ con”, “xe hơi đủ kiểu dáng trôi nổi bồng bềnh như bao diêm”. Đó là “những hình ảnh minh chứng cho sự vô nghĩa của những nỗ lực noi loài người” [3, tr.217]. Đêm ấy Nguyễn cũng mơ mình bị sóng thần dồn đuổi phía sau, “lững lững, lạnh lùng, đầy sự tự tin của kẻ biết sức mạnh vô song của mình đang sở hữu nên kéo dài thời gian nhắm nháp con mồi”. “Đám chúng sinh chới với, xô dúi vào nhau, bầm bập, kêu thét”. “Lũ chúng sinh vờn vĩ, xô dạt, xoay tít”. Nguyễn cứ trôi mãi trong con đại hồng thủy của u mê. Là tương lai nhân loại sẽ đổi mặt chăng? Diển ngôn sinh thái được nhà văn lồng ghép vào những giấc mơ như một niềm trăn trở.

Đặt những câu văn mang nặng tinh thần nghi vấn cũng là cách Nguyễn Xuân Thủy muốn tra hỏi chính nhân vật và cả chính mình. “Đồng làng có nhận ra anh không? Quê hương có nhận lại anh không?”, “Nguyễn thu lại các giác quan, cố gắng lắng nghe tiếng vạn vật. Lập tức tiếng côn trùng đang kêu im bật như sợ có người tra vấn. Lũ cóc ngẩn chết rặng không phát ra tiếng động”. “Nguyễn hiểu cánh đồng không còn là của Nguyễn nữa. Hay đúng hơn, Nguyễn đã không còn thuộc về nơi này. Vậy Nguyễn thuộc về nơi nào? Phố ư?”. “Trong manh áo phố phường Nguyễn có giữ ra nỗi dăm người có thể gọi là bạn hay không?”. Những dấu hỏi đầy suy tư, dồn dập chỉ trong một đoạn văn ngắn đã đủ thấy nỗi lòng nhức nhối của kiếp người. Họ rũ bỏ chân quê để mong muốn một đời sống tân tiến, tiện nghi, hiện đại, vui tươi. Và trong cô đơn giữa bát nháo phố phường, chúng ta nghe thấy những tiếng thì thầm, thủ thủ về bản ngã. Chúng ta thuộc về nơi nào? Nông thôn hay thành thị? Bức tường hay thiên

nhiên? Đóng kín hay hòa nhập? Trả lời thấu tận những câu hỏi mà nhà văn đặt ra, cũng là lúc độc giả giải mã được những thông điệp về môi sinh ẩn ngấm trong đó.

3. KẾT LUẬN

Nhiệm vụ cơ bản của phê bình sinh thái là giáo dục đạo đức sinh thái trong mỗi người nhằm xoa dịu cục diện ô nhiễm môi trường đang diễn ra toàn cầu. Bàn về hướng đi của phê bình sinh thái, trong bài viết *The Shape of Ecocriticism to Come*, Michael Verderame đã nhấn mạnh vai trò của các nhà nhân văn khi họ “đã làm một vai trò quan trọng trong việc chẩn đoán và giải quyết cuộc khủng hoảng môi trường hiện nay của chúng ta. Từ khi văn hóa nhân loại đã tạo ra cuộc khủng hoảng mà chúng ta đã lâm vào, việc nghiên cứu các sản phẩm văn hóa nhân loại có thể nắm giữ những then chốt để nhận thức làm thế nào tìm ra được lối thoát” [5]. Gần đây, nhiều tác phẩm đậm tinh thần sinh thái được xuất bản/tái bản và đón nhận nhiệt tình như *Walden – Một mình sống trong rừng* (Henry David Thoreau), *Khi loài vật lên ngôi* (Karel Capek), *Cá hồi* (Ahn Do Hyun)... Điều này đã khẳng định ý nghĩa và đóng góp của văn học sinh thái trong việc tái thiết lại quan niệm và niềm tin của con người về thế giới xung quanh. Ở Việt Nam, dấu ấn sinh thái có thể thấy rõ trong *Trăm năm còn lại* (Trần Duy Phiên), *Ruồi là ruồi* (Đỗ Phấn), *Chúa đất* (Đỗ Bích Thúy), *Thiên đường ảo vọng* (Nguyễn Trí), *Vết thương hoa hồng* (Nguyễn Văn Học)... Qua *Nhắm mắt nhìn trời*, Nguyễn Xuân Thủy cũng đã góp phần thay đổi nhận thức của độc giả về lối hành xử với thế giới tự nhiên, với môi trường sống xung quanh. Bằng cách đặt giả thiết rằng, “khi thế giới đạt ngưỡng bảy tỉ người người ta đã thi nhau làm phép tính, phép so sánh để xem Trái đất là rộng hay hẹp với từng ấy con người”, “nếu con người biết nắm tay, chung sống hòa bình và san sẻ thì thực ra Trái đất này vẫn còn rất rộng” [3, tr.304], Nguyễn Xuân Thủy đã khép lại tiểu thuyết trong sự xoa dịu lòng người. Những thảm họa môi trường, những tai nạn sinh thái, những nỗi cô đơn thường hằng sẽ không còn là vấn nạn nghiêm trọng, nếu con người biết nhận thức lại, sống đoàn kết, thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng muôn loài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Joseph W. Meeker (1974), *The comedy of survival: studies in literary ecology*, New York: Charles Scribner's Sons.
- [2]. Hoàng Thu (2014), *Nhà văn Nguyễn Xuân Thủy: Nhắm mắt nhìn trời, mở mắt nhìn đời*, nguồn <http://www.baomoi.com/nha-van-nguyen-xuan-thuy-nham-mat-nhin-troi-mo-mat-nhin-doi/c/13621315.epi>, cập nhật 21/04/2014.
- [3]. Nguyễn Xuân Thủy (2014), *Nhắm mắt nhìn trời*, NXB Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4]. Liễu Trương (2011), *Phân tâm học và Phê bình văn học*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

Thông điệp môi trường trong tiểu thuyết Nhắm mắt nhìn trời của Nguyễn Xuân Thủy

[5]. Michael Verderame (2010), "The Shape of Ecocriticism to Come", *New Directions in Ecocriticism*,
https://www.ideals.illinois.edu/bitstream/handle/2142/25241/verderame_michael_markup3.html

THE ENVIRONMENTAL MESSAGE IN *NHAM MAT NHIN TROI* BY NGUYEN XUAN THUY

Nguyen Thuy Trang

University of Sciences, Hue University

Email: thuytrang23988@gmail.com

ABSTRACT

The novel *Nham mat nhìn trời* by Nguyen Xuan Thuy is a work that contains many profound messages about the environment. With the diverse and typical characters, writers reflected the inadequacies of human life as well as the ecology of urbanization. Through the lost, sultry, oppressive psychological reactions of the townspeople, the writer has given a wake-up call about the urgency of natural protection, and save the Earth at risk.

Keywords: Ecocriticism, environment, *Nham mat nhìn trời*, Nguyen Xuan Thuy.



Nguyễn Thùy Trang sinh ngày 23/09/1988 tại Quảng Trị. Năm 2010, bà tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Ngữ văn tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Năm 2013, bà nhận học vị thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Hiện bà đang là giảng viên tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam, Văn học so sánh, Phê bình sinh thái, Hậu hiện đại, Phân tâm học và các lý thuyết văn học liên quan khác.